TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 26/2018/ DSPT
Ngày: 31-01-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2017/TLPT- DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐXX-DS ngày 11/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2017/QĐ-PT ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Mạnh T và bà Trương Thị L.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, thành phố M, tỉnh Đăk Lăk – Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Quang Tr.

Nơi cư trú: Số 166 P, phường T, thành phố M, tỉnh Đăk Lăk – Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn S – Sinh năm 1960 và bà Văn Thị N – Sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã E, thành phố M, tỉnh Đăk Lăk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trương Thị L, ông Dương Mạnh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Quang Tr trình bày:

Ngày 01/02/2016, tôi đã cho vợ chồng ông Trương Văn S và bà Văn Thị N vay số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Khi vay chúng tôi thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng (sau này do thỏa thỏa thuận lại là 1,5%/ tháng nên tôi đã chỉnh sửa lại phần lãi suất là 1,5%/tháng). Thời hạn trả nợ đến cuối tháng 12/2016 (tức là ngày 31/12/2016). Khi vay ông S và bà N có ký vào giấy vay mượn. Khi vay không thế chấp tài sản gì cho nhau.

Từ khi vay cho đến nay ông S và bà N đã trả được lãi cho đến tháng 12/2016, số tiền đã trả lãi là 213.000.000 đồng. Nợ gốc đã trả được 100.000.000 đồng. Nay tôi khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn S và bà Văn Thị N số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và nợ lãi từ tháng 1/2017 cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Manh T, bà Trương Thị L cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Quang Tr khẳng định khoản tiền mà bị đơn ông Trương Văn S, bà Văn Thị N đã trả được là 313.000.000đ chứ không phải 213.000.000đ; trong đó nợ gốc là 100.000.000đ và nợ lãi là 213.000.000đ. Vì vậy, nguyên đơn đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số nợ gốc là 100.000.000đ, chỉ khởi kiện nợ gốc còn lại là 1.100.000.000đ và lãi suất thì chỉ yêu cầu tính toán lại mức lãi suất từ khi vay cho đến ngày xét xử là 1,125%/ tháng.

- Bị đơn bà Văn Thị N trình bày:

Chúng tôi thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là đúng, chữ ký trong giấy vay mượn là do vợ chồng tôi ký vào. Lãi suất 20%/tháng, chứ không phải 2%/tháng. Chúng tôi đã trả được cho bà L ông T số tiền 313.000.000 đồng tiền lãi đến tháng 12/2016 và 100.000.000 đồng tiền gốc. Ngoài ra chưa trả thêm khoản tiền nào. Hiện nay chúng tôi còn nợ ông T bà L 1.100.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất từ tháng 1/2017 cho đến nay.

Nay ông T và bà L khởi kiện yêu cầu tôi trả số nợ 1.100.000.000 đồng và lãi suất từ tháng 1/2017 cho đến nay thì chúng tôi chỉ chấp nhận trả nợ gốc 1.100.000.000 đồng . Gia đình chúng tôi gặp khó khăn nên không có khả năng trả lãi suất. Chúng tôi xin trả dần theo tháng.

Ông Trương Văn S đồng ý với ý kiến của bà Văn Thị N. Ngoài ra tôi không có ý kiến nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DSST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Mạnh T, bà Trương Thị L.

Buộc vợ chồng ông Trương Văn S và bà Văn Thị N phải trả cho ông Dương Mạnh T, bà Trương Thị L số nợ 1.132.025.000đ (Trong đó nợ gốc là 1.100.000.000đ và nợ lãi là 32.025.000đ).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện khoản nợ 100.000.000đ trong tổng số nợ 1.200.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 01/2/2016 giữa các bên.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/QĐ-BPKCTT ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐăkLăk

Về án phí DSST: Dương Mạnh T và bà Trương Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 16.800.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0041589 ngày 21/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Đăk Lăk.

Ông Trương Văn S và bà Văn Thị N phải chịu án phí là 45.960.750đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2017, bị đơn ông Trương Văn S và bà Văn Thị N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị số 872/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lăk tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy cấp sơ thẩm tính sai lãi suất, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, không đưa người có quyền và lợi ích hợp pháp vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên cần hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Trương Văn S và bà Văn Thị N; bổ sung một phần Quyết định kháng nghị số 872/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/9/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần lãi suất. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung kháng nghị, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Văn Thị N, ông Trương Văn S và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong thời hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Có cơ sở để khẳng định ngày 01/02/2016, ông Dương Mạnh T, bà Trương Thị L có cho ông Trương Văn S, bà Văn Thị N vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất là 1,125%/tháng. Về lãi suất từ ngày 01/02/2016 đến ngày 31/12/2016 là 1.200.000.000 đồng x 11 tháng x 1,125%/tháng = 148.500.000 đồng. Đến 31/12/2016, ông S bà N trả 213.000.000 đồng tiền lãi. Do vậy phải khấu trừ số tiền lãi vượt quá vào nợ gốc là 213.000.000 đồng – 148.500.000 đồng = 64.500.000 đồng. Số nợ gốc còn lại là 1.200.000.000 đồng – 100.000.000 đồng – 64.500.000 đồng = 1.035.500.000 đồng. Lãi suất từ 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/8/2017 là 1.035.500.000 đồng x 1,125%/ tháng x 7 tháng 24 ngày = 90.865.000 đồng. Như vậy, ông S và bà N còn phải trả 1.125.865.000 đồng (Nợ gốc là 1.035.000.000 đồng, lãi là 90.865.000 đồng). Ông S và bà N thừa nhận có vay số tiền trên và đã trả được số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và 213.000.000 đồng tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định lãi suất và tuyên buộc ông S, bà N trả cho ông T, bà L 1.132.025.000 đồng (nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, lãi là 32.025.000 đồng) là không chính xác. Như vậy, kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn S và bà Văn Thị N về nội dung này là có cơ sở. Cần sửa Bản án sơ thẩm về khoản tiền nợ gốc và lãi suất buộc bị đơn phải trả.

Do sửa Bản án sơ thẩm về giá trị buộc trả, vì vậy cần sửa án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp, cụ thể: Án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 1.125.865.000 đồng là 36.000.000 đồng + 3% x (1.125.865.000 - 800.000.000 đồng) = 45.776.000 đồng (đã làm tròn số).

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông S bà N cho rằng Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị Th vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau về số tiền đã trả là 100.000.000 đồng tiền gốc 213.000.000 đồng tiền lãi nên không cần thiết phải đưa bà Th vào tham gia tố tụng. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông S bà N đối với yêu cầu này.

[2.2] Sau khi nộp đơn khởi kiện, ngày 01/3/2017, nguyên đơn ông Dương Mạnh T và bà Trương Thị L đã gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản thuộc thửa đất số 31A, 33B, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại Thôn 2, xã E, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M. Tại biên bản xác minh ngày 03/03/2017, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M cho biết thửa đất số 31A, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 640026 đứng tên ông

Trương Văn S và thửa đất số 33B, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 640027 đứng tên ông Trương Văn S và bà Văn Thị N đều chưa có dữ liệu đăng ký tặng cho, thế chấp, chuyển nhượng cho ai. Ngày 15/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT cấm ông Trương Văn S, bà Văn Thị N thực hiện các hành vi chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn với thửa đất số 31A, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 640026 đứng tên ông Trương Văn S và thửa đất số 33B, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 640027 đứng tên ông Trương Văn S và bà Văn Thị N. Sau khi có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị theo Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự, ông S và bà N và Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Mặt khác, tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 25/8/2017, bà Văn Thị N khi được hỏi ý kiến về việc kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột xác định thửa đất số 31A và thửa đất 33B không chuyển nhượng cho ai thì bà N cho rằng mình không biết.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Văn Thị N và ông Trương Văn S kháng cáo cho rằng thửa đất số 33B và thửa đất 31B, tờ bản đồ số 17, tại thôn 2, xã E, thành phố M đã được chuyển nhượng 10 năm trước cho các hộ Nguyễn Quốc H, Đào Thị M; Đoàn Tr và Phạm Thị T; Nguyễn Thị A và Nguyễn Văn T; Nguyễn Thị Kiều V và Lê Thanh H; Lê Ngọc L; Nguyễn Công N và Cao Thị Ng. Các hộ này cũng gửi đơn khiếu nại lên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Tại đơn khiếu nại và tại bản tự khai tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ông N, bà N; ông L; ông H, bà L; ông Tr; bà V, ông H; bà A, ông T đều trình bày việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc hai thửa đất số 31B và thửa số 33B của vợ chồng ông S, bà N và quản lý, sử dụng cho đến nay. Các hộ này đều cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, ông Trương Văn S và bà Văn Thị N trong quá trình giải quyết vụ án đã không cung cấp đầy đủ thông tin chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 31B và 33B, tờ bản đồ số 17 tại Thôn 2, xã E, thành phố M cho Tòa án, cũng như không có bất kì khiếu nại nào đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong thời hạn luật định, dẫn đến việc Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Cấm chuyển dịch quyền về tài sản tại Điều 121 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định chỉ cấm chuyển dịch về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn S, bà Văn Thị N và chấp nhận bổ sung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của ông Trương Văn S, bà Văn Thị N là không có cơ sở chấp nhận.

Do quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bị hủy bỏ nên Toà án không đưa các thành viên của 06 hộ đã nhận chuyển nhượng đất của ông Trương Văn S, bà Văn Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan.

[4] Về án phí DSPT: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Trương Văn S và bà Văn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn S và bà Văn Thị N; chấp nhận bổ sung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DSST ngày 25/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Áp dụng khoản 2 Điều 112; điểm đ khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Mạnh T, bà Trương Thị L.

Buộc vợ chồng ông Trương Văn S và bà Văn Thị N phải trả cho ông Dương Mạnh T, bà Trương Thị L số nợ 1.125.865.000 (Trong đó nợ gốc là 1.035.500.000đ và nợ lãi là 90.865.000 đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện khoản nợ 100.000.000đ trong tổng số nợ 1.200.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 01/2/2016 giữa các bên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn S và bà Văn Thị N phải chịu 45.776.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn S và bà Văn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông S bà N mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Trương Văn S đã nộp theo các biên lại thu số AA/2017/0000398 và AA/2017/0000399 ngày 12/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Y Thông Kbuôr